TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2023/HS-PT
Ngày: 14 – 11 – 2023

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Minh Tấn**

Các Thẩm phán: Bà **Châu Minh Nguyệt**

Ông **Bùi Anh Tuấn**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Dương Mỹ Linh** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà **Dương Thục Trinh** - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 93/2023/TLPT-HS ngày 16 tháng 10 năm 2023 đối với bị cáo Lê Chí T do có kháng cáo của bị hại Nguyễn Trọng N đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 26/2023/HS-ST ngày 07 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

- *Bị cáo bị kháng cáo:* **Lê Chí T**, sinh ngày 05 tháng 5 năm 2001 tại Bạc Liêu.

Nơi cư trú: ấp H, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; Con ông Lê Văn S và bà Trần Thị L; tiền án, tiền sự: không. *(Có mặt)*

- *Bị hại có kháng cáo*: anh N **Trọng N**, sinh năm 1998; địa chỉ cư trú: ấp B, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngay sau khi nghe ông Phan Hoàng L kể lại sự việc mâu thuẫn giữa ông L với ông Lê Văn S nên khoảng 13 giờ 30 phút ngày 23 tháng 01 năm 2023, anh N Hữu T (con rễ ông L), anh Phan Vĩ Thái (con ruột ông L) và bị hại anh N Trọng N (bạn của Triệu và Thái) đi đến nhà ông S để hỏi chuyện việc ông L kể lại.

Khi đến nhà ông S, chỉ có bị cáo (con ông S) ở nhà nên anh T kêu bị cáo gọi điện kêu ông S về nói chuyện. Khi ông S về tới sân nhà thì anh T từ trong nhà chạy ra dùng tay đấm 01 cái trúng vào mặt, dùng một thanh kim loại dài khoản 0,5 mét, to bằng ngón chân đánh ông S và giữa ông S và anh T câu giật nhưng không gây ra thương tích.

Trong lúc sự việc trên xảy ra bị cáo chạy ra nhà sau lấy hai cây dao bằng kim loại chạy ra gặp anh N nên bị cáo có hành vi dùng dao cầm trên tay phải chém một cái trúng vào tay trái của anh N Trọng N gây thương tích.

Tại bản kết luận giám định số 144/KLTTCT-TTPYCT, ngày 24 tháng 3 năm 2023 của Trung tâm Pháp y thành phố Cần Thơ, kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể của anh N Trọng N là 15%.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 26/2023/HS-ST ngày 07 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân P, tỉnh Bạc Liêu đã quyết định:

1. Tuyên bố bị cáo Lê Chí T phạm tội Cố ý gây thương tích".

2. Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

3. Xử phạt bị cáo Lê Chí T với mức án 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày bị cáo bị bắt vào chấp hành hình phạt.

4. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 584, 585, 586, 590 Bộ luật Dân sự; Buộc bị cáo Lê Chí T có nghĩa vụ bồi thường cho anh N Trọng N tổng số tiền 33.552.000đ. Do bị cáo T đã tự nguyện nộp khắc phục hậu quả số tiền 5.000.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bạc Liêu nên anh N được nhận số tiền 5.000.000đ này tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bạc Liêu, buộc bị cáo T tiếp tục bồi thường cho anh N số tiền 28.552.000đ.

5. Về án phí: Căn cứ các Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo T phải nộp 1.428.000đ án phí dân sự có giá ngạch.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí hình sự sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, vào ngày 22 tháng 9 năm 2023 bị hại kháng cáo với các nội dung: tăng hình phạt đối với bị cáo, xử lý trách nhiệm hình sự đối với ông Lê Văn Sớm, tăng mức bồi thường là 158.348.022đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:

+ Mức hình phạt mà bản án sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo là phù hợp, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo. Cho nên không chấp nhận yêu cầu của bị hại tăng mức hình phạt đối với bị cáo.

+ Đối với ông Lê Văn S không tham gia đồng phạm với bị cáo, không gây thương tích cho bị hại nên việc bị hại yêu cầu xử lý trách nhiệm hình sự đối với ông S là không có căn cứ.

+ Về trách nhiệm dân sự: đối chiếu với các chứng từ mà bị hại cung cấp thì cấp sơ thẩm cộng còn thiếu so với hóa đơn chứng từ bị hại cung cấp là 780.000đ nên chấp nhận một phần kháng cáo của bị hại tăng một phần số tiền bồi thường; các phần khác không có căn cứ tăng mức bồi thường.

+ Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm b khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận một phần kháng cáo của bị hại và sửa một phần bản án hình sự sơ thẩm về phần trách nhiệm dân sự, tăng mức bồi thường thêm số tiền 780.000đ.

- Bị hại không có ý kiến tranh luận và giữ nguyên kháng cáo.

- Bị cáo yêu cầu giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa sơ thẩm, cũng như phúc thẩm bị cáo thừa nhận thương tích của bị hại 15% là do bị cáo đã có hành vi dùng dao gây ra, lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, bị cáo sử dụng hung khí nguy hiểm gây thương tích cho bị hại với tỷ lệ 15% nên cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo về tội "Cố ý cố ý gây thương tích" theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bị hại:

- Yêu cầu tăng hình phạt đối với bị cáo: mức khởi điểm về tỷ lệ tổn thương theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự là 11% sẽ tương ứng với mức khởi điểm của khung hình phạt là 02 năm. Trong khi bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như tự nguyện bồi thường thiệt hại; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải được quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; từ đó cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 02 năm 06 tháng tù là phù hợp với quy định của pháp luật.

- Yêu cầu xử lý trách nhiệm hình sự đối với ông S: tại thời điểm bị hại đến nhà thì ông S không có mặt, khi ông S về thì giữa ông S và anh T xảy ra xô xát với nhau và lúc đó thì bị cáo đã gây thương tích cho anh N, tại phiên tòa bị hại cũng xác định ông S không có gây thương tích cho bị hại và thương tích 15% là do bị cáo gây ra. Cho nên, thương tích của anh N không có liên quan đến ông S và anh N yêu cầu xử lý hình sự đối với ông S là không có căn cứ.

- Yêu cầu tăng mức bồi thường là 158.348.022đ: tại cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các khoản bồi thường thiệt hại theo quy định tại Điều 590 của Bộ luật Dân sự để buộc bị cáo bồi thường cho anh N với số tiền 33.552.000đ.

Trong các hóa đơn chứng từ mà bị hại cung cấp có 02 chứng từ không hợp lệ gồm: hóa đơn ngày 04 tháng 5 năm 2023 với số tiền 372.813đ, thể hiện họ và tên người mua hàng là Trần Thị T, không phải là bị hại, 01 chứng từ độc lập và

sau ngày sự việc xảy ra gần 04 tháng; hóa đơn bán lẽ với số tiền 400.000đ: hóa đơn không ngày tháng, không thể hiện họ và tên người mua hàng.

Tại phiên tòa phúc thẩm anh N không cung cấp chứng từ mới về bồi thường nên không chấp nhận, trong trường hợp anh N tiếp tục điều trị thương tích và có cung cấp chứng từ sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[3] Quan điểm của Kiểm sát viên đề nghị tăng mức bồi thường, Hội đồng xét xử xét thấy: trong quá trình cộng các chứng từ mà bị hại cung cấp thì đã loại trừ 02 hóa đơn không hợp lệ nên việc cấp sơ thẩm tính số tiền bồi thường là phù hợp.

[4] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ không chấp nhận kháng cáo của bị hại, đề xuất của Kiểm sát viên; giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm.

[5] Bị hại phải chịu án phí hình sự phúc thẩm là 200.000đ.

[6] Các phần quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 2 Điều 136; điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự;

- Điều 590 của Bộ luật Dân sự;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị hại **Nguyễn Trọng N**.

2. Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 26/2023/HS-ST ngày 07 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân P, tỉnh Bạc Liêu.

3. Tuyên bố bị cáo **Lê Chí T** phạm tội "***Cố ý gây thương tích***".

4. Xử phạt bị cáo **Lê Chí T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi chấp hành án.

5. Về trách nhiệm dân sự: bị cáo Lê Chí T có nghĩa vụ bồi thường cho anh N Trọng N tổng số tiền 33.552.000đ (làm tròn số), trong đó:

- Anh N được nhận 5.000.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bạc Liêu theo biên lai thu tiền số 0001942 ngày 02 tháng 8 năm 2023.

- Buộc bị cáo T có nghĩa vụ bồi thường số tiền còn lại cho anh N là 28.552.000đ.

6. Về án phí:

- Buộc bị hại Nguyễn Trọng N phải nộp án phí hình sự phúc thẩm là 200.000đ.

- Buộc bị cáo Lê Chí T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 1.428.000đ.

7. Các phần Quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

8. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

9. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Gửi Viện kiểm sát cùng cấp;
- Gửi Cơ quan THA hình sự có thẩm quyền;
- Gửi CQĐT, VKS, TA xét xử sơ thẩm;
- Giử nơi đang giam giữ bị cáo (nếu có);
- Gửi người kháng cáo;
- Gửi người có liên quan đến kháng cáo hoặc kháng nghị (nếu có);
- Gửi Cơ quan THA dân sự có thẩm quyền (nếu có);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Minh Tấn